

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 239/2024/DS-PT
Ngày: 10-5-2024
V/v tranh chấp hợp chia thừa kế
quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn
Ông Nguyễn Ngọc Thông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/5/2024 và ngày 10/5/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 37/2024/TLPT- DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 215/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1983 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị U - sinh năm 1956 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Nguyễn Phương Q - sinh ngày 28/01/2013;

Địa chỉ: Số nhà A, Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện hợp pháp của cháu Q:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983 (cha ruột) là người đại diện theo pháp luật. (Có mặt)

3.2. Anh Võ Thanh T - sinh năm 1985 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Ông Võ Thanh T - sinh năm 1950 (đã chết ngày 07/6/2023 nhằm ngày 20/4/2023 âm lịch).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Thanh T là:*

3.3.1. Bà Nguyễn Thị U - sinh năm 1956 (Có mặt);

3.3.2. Anh Võ Thanh T - sinh năm 1985 (Có mặt);

3.3.3. Anh Võ Thanh M - sinh năm 1980 (Vắng mặt);

3.3.4. Chị Võ Thị B - sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày: Đất tranh chấp thuộc thửa số 117, tờ bản đồ số 6, có diện tích đo đạc thực tế là 124,1m², tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, có nguồn gốc là của ông Võ Thanh T và bà Nguyễn Thị U. Năm 2009, ông T và bà U tặng cho con ruột là chị Võ Thị T, chị T đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013 thì anh H và chị T kết hôn, do đó anh xác định chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi kết hôn với anh.

Ngày 14/7/2015, chị T chết để lại tài sản là thửa số 117 nêu trên và không lập di chúc. Hiện thửa số 117 do bà U quản lý sử dụng trồng cây lâu năm. Hàng thừa kế thứ nhất của chị T bao gồm: Võ Thanh T, Nguyễn Thị U, Nguyễn Văn H và Nguyễn Phương Q, ngoài ra không còn ai khác.

Nay anh H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thửa số 117, diện tích đất đo đạc thực tế là 124,1m², loại đất trồng cây lâu năm, đất được xác định trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 08/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, làm 4 phần bằng nhau. Anh H yêu cầu được nhận toàn bộ đất để sử dụng, trả giá trị cho các đồng thừa kế khác theo giá do Hội đồng định giá quyết định.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, anh H còn yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Võ Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do ông T đã chết ngày 20/4/2023, trong đó con ruột của anh là Nguyễn Phương Q là cháu ngoại của ông T, được nhận một phần di sản của ông T do thuộc trường hợp thừa kế thế vị của chị Võ Thị T.

- **Bị đơn trình bày:** Bà U xác định đất đang tranh chấp thuộc thửa số 117 có nguồn gốc của vợ chồng bà. Năm 2009, vợ chồng bà tách thửa để tặng cho các con, trong đó có chị Võ Thị T, chị T cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà cũng xác định đây là tài sản của chị T.

Năm 2015, chị T chết nhưng không để lại di chúc, bà thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của chị T bao gồm Võ Thanh T, Nguyễn Thị U, Nguyễn Văn H và Nguyễn Phương Q, ngoài ra không còn ai khác.

Phần diện tích đất thuộc thửa số 117 hiện do anh Võ Thanh T (con ruột của bà) đang sử dụng đất để trồng một số cây ăn trái. Bà U thống nhất với diện tích đất đo đạc thực tế là 124,1m² theo sơ đồ đo đạc ngày 08/8/2003 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Nay bà thống nhất yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của chị Võ Thị T thành 04 phần cho các đồng thừa kế. Tuy nhiên bà cho rằng phần đất này có nguồn gốc của vợ chồng bà nên bà yêu cầu được nhận đất, bà đồng ý trả giá trị cho các đồng thừa kế khác theo giá do Hội đồng định giá quyết định.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Võ Thị T đang đứng tên thuộc thửa số 117, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp hiện bà U đang quản lý, bà xác định không có cầm cố hoặc thế chấp cho cá nhân, tổ chức nào khác.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh T trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa như sau:**

Đối với phần đất tranh chấp thuộc thửa số 117 nêu trên có nguồn gốc của cha mẹ anh là Võ Thanh T và Nguyễn Thị U. Chị T đã được cha mẹ tặng cho phần đất này nhưng chị T chưa sử dụng thì chết. Hiện phần đất này anh đang sử dụng để trồng cây ăn trái. Trường hợp Tòa án tuyên xử phần đất này giao cho anh H thì anh sẽ tự đi dời cây trồng hoặc đốn bỏ để trả lại đất, không yêu cầu bồi thường hoặc có yêu cầu nào khác trong vụ án này. Trường hợp giao đất cho bà U thì anh sẽ tự thỏa thuận với bà U đối với các cây trồng trên đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Thanh T thì anh T cũng chưa yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của chị Võ Thị T trong vụ án này mà để Tòa án giải quyết yêu cầu của anh H và bà U. Tùy kết quả giải quyết mà anh T sẽ thỏa thuận với bà U hoặc anh H, nếu không thỏa thuận được mới khởi kiện thành vụ án khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 215/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất của chị Võ Thị T đối với diện tích 124,1m² thuộc thửa số 117, tờ bản đồ số 6, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị U được quyền sử dụng diện tích đất 124,1m² thuộc thửa số 117, tờ bản đồ số 6, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; diện tích đất được xác định

trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 08/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 849141, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.00588 ngày 18/8/2009 của hộ chị Võ Thị T để cấp lại cho người được quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị U được quyền liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác lập thủ tục đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà mình được quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 08/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác lập và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/12/2022 của Tòa án huyện C).

Buộc bà Nguyễn Thị U phải có trách nhiệm trả lại giá trị tài sản mà các đồng thừa kế khác được hưởng bao gồm anh Nguyễn Văn H, cháu Nguyễn Phương Q và ông Võ Thanh T (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị U, anh Võ Thanh M, chị Võ Thị B và anh Võ Thanh T) với số tiền mỗi người được nhận là 4.188.375 (bốn triệu một trăm tám mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi lăm) đồng. Do cháu Nguyễn Phương Q chưa được 16 tuổi nên người đại diện hợp pháp của cháu Q là anh Nguyễn Văn H được nhận thay.

Tạm giao kỷ phần của ông Võ Thanh T là số tiền 4.188.375 (bốn triệu một trăm tám mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi lăm) đồng cho bà Nguyễn Thị U được tiếp tục quản lý; trường hợp người có quyền yêu cầu thì sẽ giải quyết trong một vụ kiện khác.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 3.753.290 đồng. Anh Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên các đương sự còn lại gồm bà Nguyễn Thị U và Nguyễn Phương Q phải có trách nhiệm trả lại cho anh H, số tiền mỗi người phải trả cho anh H là 1.251.000 (một triệu hai trăm năm mươi một nghìn) đồng; cháu Q chưa được 16 tuổi nên người đại diện hợp pháp là anh Nguyễn Văn H phải chịu.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị U và cháu Nguyễn Phương Q mỗi người chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, truy nhiên, bà Nguyễn Thị U (thuộc trường hợp người cao tuổi) và cháu Nguyễn Phương Q (thuộc trường hợp là trẻ em) được miễn nộp tiền án phí theo luật định.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2023, anh Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế 124,1m², đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là của cha ruột chị Võ Thị T (là vợ anh H) tặng cho chị T, chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009. Năm 2013 chị T và anh H kết hôn, sau khi kết hôn chị T không nhập phần đất tặng cho này vào tài sản chung, cho nên đây là tài sản riêng của chị T.

Năm 2015 chị T chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của chị T bao gồm: Bà Nguyễn Thị U; ông Võ Thanh T (là cha, mẹ ruột chị T); anh Nguyễn Văn H, cháu Nguyễn Phương Q là con chị T, ngoài ra không còn ai khác. Nay anh H yêu cầu chia thừa kế di sản của chị T đối với thửa đất 117 nêu trên thành 04 kỷ phần cho hàng thừa kế thứ nhất của chị T. Các đồng thừa kế của chị T cũng thống nhất chia thừa kế di sản của chị T thành 04 kỷ phần theo yêu cầu của anh H. Tuy nhiên, Theo Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở tại nông thôn là 700m² trở lên. Trường hợp thửa 117 phải chia cho 04 kỷ phần thì không đảm bảo điều kiện về hạn mức tối thiểu để tách thửa, án sơ thẩm giao phần diện tích đất cho bà Nguyễn Thị U được quyền sử dụng diện tích đất 124,1m² thuộc thửa số 117, tờ bản đồ số 6, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 08/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C và bà U phải có trách nhiệm trả lại giá trị tài sản mà các đồng thừa kế khác được hưởng bao gồm anh Nguyễn Văn H, cháu Nguyễn Phương Q và ông Võ Thanh T (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị U, anh Võ Thanh M, chị Võ Thị B và anh Võ Thanh T) với số tiền mỗi người được nhận là 4.188.375đ là chưa đảm bảo quyền lợi cho cháu Nguyễn Phương Q là con chung giữa anh H và chị T. Hiện nay cháu Q cũng đang sống với anh H, theo anh H trình bày hiện nay anh và con anh đang thuê nhà trọ của anh S để ở và anh cũng không có đất để cất nhà ở và sinh sống. Tại phiên tòa, anh H đồng ý nhận phần đất đề

đảm bảo cuộc sống sau này cho cháu Q, anh và con anh đồng ý trả giá trị lại cho các kỹ phần được hưởng thừa kế và đồng ý trả giá trị 15 cây mít trồng 5 năm tuổi của anh T trồng trên đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định là 2.200.000đ/cây x 15 cây = 33.000.000đ để anh và con anh có đất cất nhà và chăm sóc mồ mã cho chị T. Xét thấy, yêu cầu của anh H và của cháu Q là phù hợp với pháp luật, nên giao phần đất trên cho anh H và cháu Q được quản lý sử dụng, anh H có trách nhiệm trả giá trị đất lại cho các kỹ phần được hưởng là bà U và ông T, nhưng do ông T chết, nên tạm giao kỹ phần của ông T là số tiền 4.188.375đồng cho bà U được tiếp tục quản lý; trường hợp những người thừa kế của ông T có yêu cầu thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác. Anh H được sử dụng 15 cây mít có trên phần đất tranh chấp.

[2] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Võ Thị T đang đứng tên thuộc thửa số 117, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp hiện bà U đang quản lý, bà xác định không có cầm cố hoặc thế chấp cho cá nhân, tổ chức nào khác, nên bà U có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị T đang đứng tên lại cho anh H.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của anh H là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên anh H không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là chưa phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 633; Điều 634; Điều 674; Điều 675; Điều 676; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 167; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H.

2. Sửa bản án sơ thẩm số: 215/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

3. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H, anh H là người đại diện hợp pháp cho cháu Q về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của chị Võ Thị T đối với diện tích 124,1m² thuộc thửa số 117, tờ bản đồ số 6, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Giao cho anh Nguyễn Văn H, anh H là người đại diện hợp pháp cho cháu Q được quyền sử dụng diện tích đất 124,1m² thuộc thửa số 117, tờ bản đồ số 6, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 08/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

4. Buộc bà Nguyễn Thị U phải giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 849141, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.00588 ngày 18/8/2009 đã cấp cho hộ chị Võ Thị T đang đứng tên lại cho anh Nguyễn Văn H.

Đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 849141, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.00588 ngày 18/8/2009 cấp cho hộ chị Võ Thị T để cấp lại cho người được quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H, anh H là người đại diện hợp pháp cho cháu Q được quyền liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác lập thủ tục đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà mình được quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 08/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác lập và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/12/2022 của Tòa án huyện C).

5. Buộc anh Nguyễn Văn H, cháu Nguyễn Phương Q (do anh H là người đại diện theo pháp luật) có trách nhiệm trả lại giá trị tài sản mà các đồng thừa kế khác được hưởng bao gồm bà Nguyễn Thị U, ông Võ Thanh T (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà Nguyễn Thị U, anh Võ Thanh M, chị Võ Thị B và anh Võ Thanh T) với số tiền mỗi người được nhận là 4.188.375đ.

Tạm giao kỷ phần được chia của ông Võ Thanh T số tiền 4.188.375đ cho bà Nguyễn Thị U được tiếp tục quản lý; trường hợp người có quyền thừa kế của ông T có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

6. Buộc anh H phải trả giá trị 15 cây mít trồng 5 năm tuổi cho anh Võ Thanh T số tiền là 33.000.000đ.

Anh Nguyễn Văn H được sử dụng 15 cây mít trồng 5 năm tuổi trên phần đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định ngày 05/12/2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 3.753.290 đồng. Anh Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị U, ông Võ Thanh T (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà Nguyễn Thị U, anh Võ Thanh M, chị Võ Thị B và anh Võ Thanh T), cháu Q chưa được 16 tuổi nên người đại diện hợp pháp là anh Nguyễn Văn H phải chịu mỗi người là 938.322đ. Nhưng do anh H đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên các đương sự còn lại gồm bà Nguyễn Thị U, ông Võ Thanh T (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà Nguyễn Thị U, anh Võ Thanh M, chị Võ Thị B và anh Võ Thanh T) phải có trách nhiệm trả lại cho anh H số tiền trên.

8. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009340, ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Anh H đã thực hiện xong

Bà Nguyễn Thị U và cháu Nguyễn Phương Q mỗi người chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên, bà Nguyễn Thị U (thuộc trường hợp người cao tuổi) và cháu Nguyễn Phương Q (thuộc trường hợp là trẻ em) được miễn nộp tiền án phí theo luật định.

9. Án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, anh được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0004711 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- TAND huyện C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội